

ENSEIGNEMENT FRANÇAIS

BACCALAUREAT II^e PARTIE

Listes des candidats définitivement admis

JURY I PHILOSOPHIE

- N^{os} Mémoires**
 4 CAO LOAN ANH
 6 DE LILLE Paulette
 8 DE SOUBEYRAN Marie-Françoise
 10 DIEP HOANG NGA
 11 DUCOUTUMANY Jonathan
 14 HO LAN ANH
 18 JASON Emma
 16 LE NGUYET THU
 23 NGUYEN THI MINH CHAU
 24 NGUYEN THI MINH NGOC
 26 NGUYEN THI PHONG LAN
 27 NG. THI THANH NGUYET
 28 PHAM THI KIM THOA
 30 PHAM THI NGOC HUYNH
 34 PHUNG Thérèse
 31 PIETRI Paulette
 36 PORCHER Catherine

- 60 BERENI Simone
 63 HO THI HUE
 66 LE THI XUAN NGUYET
 67 NGUYEN THI HONG DUC
 70 NGUYEN THI MINH HUE
 75 PHAM THI VAN HAI
 77 Công Huyền Tôn Nữ Ngọc HOA
 78 DO QUANG MAI NH
 79 DOS SAINTOS Marceirite
 85 NGUYEN CAM HONG
 86 NGUYEN KHOA DIEU XUAN
 96 PHAN THI HICH CHAU
 92 TA NGOC HAN
 95 TRAN THI MY LUONG
 97 TRAN THI THU LUONG

- N^{os} Mémoires**
 142 DEJEAN de la HATIE Maurice
 151 NGUYEN SON BA
 160 HUYNH HUU KHOAI
 162 NGUYEN GIA THINH
 166 NGUYEN VAN SI
 168 LE VAN KHUE
 170 NGUYEN QUY HAN
 175 PHAM VAN CHUONG
 179 BUI QUANG BINH
 191 LA CANH HIEN
 222 TRAN KIEM CHI
 228 VU DINH TA

- N^{os} Mémoires**
 39 Mlle TON NU THI MINH
 41 LE MINH NGUYET
 43 TRAN THI MINH THU
 45 VO THI NGOC TUYEN

JURY II SCIENCES EXPERIMENTALES

- N^{os} Mémoires**
 203 BEZ Raymonde
 240 CHU KIM LOAN
 243 DANG CHIEU DUNG
 246 DAO PHUONG MAI
 248 DO HOC TUYEN Anne
 250 DO TU LAN
 251 DUONG DIEM MAI
 253 DUONG THIEN CHI
 254 HO Lan
 256 HOANG THI NGOC DUNG
 257 HONG KIM CHI
 258 HUYNH THI HOANG HOA
 259 HUYNH THI MINH NGUYET
 260 HUYNH THI OANH

- 262 HUYNH THI NHUNG
 263 HUYNH VAN LONG
 270 LE MINH ANH
 271 LE MINH HA
 272 LE MINH PHUONG
 274 LE THI LAN
 276 LE THI THU NGUYET
 277 LE THI TRUONG
 278 LE THI XUAN HONG
 288 NGHIEM HOANG QUYEN
 289 NGO PHI NGA
 287 NGO THI MY
 288 NGUYEN ANH THU
 288 NGUYEN KHAI TRUONG
 293 NGUYEN KHANH HOAI
 297 NGUYEN NGOC NHUNG

- 380 NGUYEN THANH HIEN
 385 NGUYEN THI KIM CUC
 386 NGUYEN THI KIM DUNG
 387 NGUYEN THI KIM HUE
 389 NGUYEN THI KIM THIEN
 318 NGUYEN THI LAN
 312 NGUYEN THI NGOC DIEP
 315 NGUYEN THI NU
 316 NGUYEN THI PHUONG LAN
 318 NGUYEN THI THANH TUNG
 320 NGUYEN THI THU HA
 325 NGUYEN THUY DAU
 326 NGUYEN THUY KIM
 327 NGUYEN TIEN MAI HUONG
 328 NGUYEN TUAN OANH
 329 NG. VAN NHIEU Abouhaec
 335 PHAM THI QUYEN
 338 QUACH THI PHUONG
 341 TON ANH PHUONG
 342 TRAN MINH HANG
 343 TRAN NGUYET TRINH
 346 TRAN NGUYEN THI PHUONG
 349 TRAN THI XUAN DAO
 350 TRAN THIEN HUNG

JURY III SCIENCES EXPERIMENTALES

- N^{os} Mémoires**
 458 BARRAZZA Jean
 459 BUI HUU TAI Roger
 460 BUI PHUONG LIEM
 462 BUI QUANG MINH
 464 DANG HUNG ANH
 465 DANG QUOC DUNG
 466 DANG TRUNG SON
 467 DAO NGOC TOAN
 468 DINH QUANG TRONG
 469 DO VU HUNG
 470 FIEVET Alain
 471 HA NGOC QUYEN
 472 HUA Jean
 473 HUYNH MINH PHUONG
 474 LAM HUNG TIEN
 477 NGUYEN BA DAM
 478 NGUYEN BA MINH
 479 NGUYEN BINH CHUC
 480 NGUYEN CONG NGHIEM
 481 NGUYEN HUE NGHIEM
 482 NGUYEN PHU DUC
 483 NGUYEN QUYEN TAI
 484 NGUYEN TANG BINH
 486 NGUYEN THE VINH
 487 NGUYEN TRONG PHUOC

- 351 TRAN THO PHUOC
 352 TRAN ANH TUAN
 353 FRINH THIEN HUONG
 364 NGUYEN THI QUE HUONG
 378 NGUYEN THI NGOC DUNG
 391 BANG KIM MINH
 392 DO THI HAO SON
 393 DO THI HIEN
 395 HO THI CHAU
 397 HO THI LOAN
 399 KIM LOAN LK THI
 408 LE NGOC HANH
 401 NGO TH THANH
 404 NGUYEN THI HIEP
 405 NGUYEN THI KIM CUC
 408 NGUYEN THI THU
 412 PHAM DAN HUNG CONG
 413 PHAN THI MINH
 414 C.H.T.N. THAI BINH
 416 LA NGOC LIEN Marie
 421 NGUYEN PHUONG MAI
 423 NGUYEN THI PHUOC Marie
 428 QUACH THI HUONG
 430 VU THI NHUNG

- 564 BALOUF Robert
 567 HUYNH DINH MINH
 568 HUYNH VAN CAI
 569 LE CONG THUAN
 570 LE THANH CHAU
 571 LE VAN LONG
 572 NGUYEN KIEN SON
 574 NGUYEN VAN NGHIA
 576 NGUYEN XUAN THONG
 577 PHAM VAN DAT
 584 TRAN V: HONG
 585 VIKI NGOC LOI
 587 VO THANH CAO
 589 CHAN CHI HUNG
 590 CHAU VAN PHO
 599 HONG MINH LUC
 601 LAM KIM KHOA
 602 LAM QUAN NGUYEN

- 605 LE HIEU PHUOC
 606 LE MINH MAN
 609 LB THIEN LAN
 611 LE VAN CHAU
 613 LUONG PHU HIEP
 614 LOU NGHIEP NAM
 621 NGUYEN GIA THANH
 719 NGUYEN NGOC ANH
 719 NGUYEN NGOC LONG
 720 NGUYEN NGOC TIEN
 721 NGUYEN PHU SON
 722 NG. PHUOC VINH TUNG
 723 NGUYEN QUANG DAO
 725 NGUYEN QUANG DUC
 726 NGUYEN QUANG LAN
 726 NGUYEN TAT CUONG
 727 Mlle NGUYEN THI THANH
 728 Mlle NG. THI TUYEN HAO
 729 Mlle NGUYEN THU HUONG
 732 NGUYEN TRUNG HIEU
 733 NGUYEN TRUNG NHU
 734 NGUYEN UNG LONG
 735 NGUYEN VAN DAO
 736 NGUYEN VAN DONG
 737 NG. VAN THANH NHU
 738 NIRANJAN B. Kirpalani

JURY IV MATHÉMATIQUES ÉLÉMENTAIRES

- 671 BAO HAN
 672 BUI NGOC VU
 674 BUI KY
 675 CAO NGUYEN HIEN
 676 CAO XUAN LOC
 677 CUNG HONG HAI
 680 DANG DIEP DANG
 682 DANG LINH CUNG
 681 DINH NGOC HUONG
 682 DO QUANG VO
 684 DO QUANG TRINH
 685 DO THI QUE
 686 DO PHUOC PHUOC
 688 DURAND Guy
 689 HO DAC NGHIA

- 690 HO TRI HUNG
 691 HOANG CO THUY DUC
 692 HOANG I. HUONG THAI
 693 HUA NGOC HIEU
 694 HUA NGOC TRUNG
 696 HUYNH DUC BAO
 697 HUYNH VAN NGHIA
 599 LACHEZE Alain
 700 LE CHAN
 702 LE PHI HUNG
 703 Mlle LE THI LE HA
 704 LE VAN VINH
 706 Mlle LE THANH LANG
 708 NGHIEM ANH
 709 NGO BANG

- 710 NGO VAN BAY
 711 NGUYEN CAO SY
 712 NGUYEN HUNG
 713 NGUYEN HUY ANH
 715 NGUYEN MINH HOANG
 716 NGUYEN MINH KHOI
 717 NGUYEN NGOC ANH
 719 NGUYEN NGOC LONG
 720 NGUYEN NGOC TIEN
 721 NGUYEN PHU SON
 722 NG. PHUOC VINH TUNG
 723 NGUYEN QUANG DAO
 725 NGUYEN QUANG DUC
 726 NGUYEN QUANG LAN
 726 NGUYEN TAT CUONG
 727 Mlle NGUYEN THI THANH
 728 Mlle NG. THI TUYEN HAO
 729 Mlle NGUYEN THU HUONG
 732 NGUYEN TRUNG HIEU
 733 NGUYEN TRUNG NHU
 734 NGUYEN UNG LONG
 735 NGUYEN VAN DAO
 736 NGUYEN VAN DONG
 737 NG. VAN THANH NHU
 738 NIRANJAN B. Kirpalani
 739 PERRY Stéphane
 740 PHAM MINH CHI
 742 PHAM THANH DUONG
 743 PHAM MINH LUAN
 744 PLATZGUMMEC Antoine
 745 SAINTPOL Pierre
 746 TA ANH TUAN
 747 TON THAI THUAN
 748 TRAN HUU TAI
 749 TRAN KHAI HOAN
 750 TRAN KY SY
 751 TRAN QUANG NHUT HUY
 752 TRAN QUOC KHANH
 753 TRAN VINH KHAI
 754 TRUONG DINH HUNG

- 755 TRUONG NGOC
 756 VO HO HAI
 757 Mlle VO NGOC THANH
 758 VO VAN QUANG
 759 VO VAN TINH
 761 VU THIEN DAC
 762 Mlle. VUONG BACH YEN
 764 WONG David
 766 Mlle BUI THI HUYNH
 768 DO VAN CANH
 771 HA THUC CONG
 777 LE THIEN HUNG
 779 NGHIEM NGOC GIAO
 780 NGO NGOC HAI
 784 NGUYEN HONG NHUT
 793 NGUYEN THO HAU
 799 PHAM HUNG CUONG
 801 PHAM LUU THONG
 804 PHAN NGOC SANG
 813 TRUONG SI NGAN
 814 TRUONG TO HA
 815 TU QUOC HUNG
 819 VU VAN KHOI
 825 LE CONG TAM
 826 LE KHAI HOANG
 829 MAI PHAT TAI
 830 NGUYEN HUU DUYET
 831 NGUYEN QUANG HUNG
 832 NGUYEN TAN DINH
 834 NGUYEN VAN HUONG
 837 PHAM TRONG QUANG
 862 LE VAN CUONG
 867 MAI HAI TRIEU
 869 NGUYEN BAO LONG
 876 NG. NGOC CHI LINH
 881 NGUYEN TRI LIEM
 884 NGUYEN VAN TRUC
 885 NGUYEN VAN TRUONG
 888 PHAM QUANG MINH
 902 TRINH NGOC HUNG